

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU NĂNG ĐỘNG BẢO VIỆT

Baoviet Equity Dynamic Open-ended Fund

THÁNG 4 NĂM 2021

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	1
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	2
CHƯƠNG I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	6
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ.....	6
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ.....	6
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	6
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán.....	7
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ.....	7
Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ.....	7
Điều 7. Ngân hàng Giám sát.....	8
Điều 8. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng, Quản trị quỹ đầu tư.....	8
CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	9
Điều 9. Mục tiêu đầu tư.....	9
Điều 10. Chiến lược đầu tư.....	9
Điều 11. Hạn chế đầu tư.....	100
Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký Quỹ.....	12
Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	14
Điều 14: Hình thức giao dịch tài sản.....	15
CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.....	15
Điều 15. Nhà đầu tư.....	15
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư.....	15
Điều 17. Sổ đăng ký Nhà đầu tư.....	16
Điều 18. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.....	17
Điều 19. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.....	221
Điều 20. Giá phát hành, giá mua lại.....	222
Điều 21. Thừa kế chứng chỉ quỹ.....	233
CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	24
Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư.....	244
Điều 23. Đại hội Nhà đầu tư bất thường.....	24

Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư.....	25
Điều 25. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.....	26
CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	28
Điều 26. Ban Đại diện Quỹ.....	288
Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên.....	29
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ.....	29
Điều 29: Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ.....	30
Điều 30: Chủ tịch Ban đại diện quỹ.....	30
Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ.....	3030
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ.....	3131
Điều 33. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ.....	3131
CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	33
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ.....	33
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ.....	333
Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ.....	344
Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.....	344
CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	366
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát.....	366
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát.....	366
Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát.....	377
Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát.....	4040
CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	41
Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền.....	4141
Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	4141

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	4242
Điều 45. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	4242
Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	433
CHƯƠNG IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH.....	444
Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn, đánh giá Đại lý phân phối, Đại lý ký danh.....	444
CHƯƠNG X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	455
Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán.....	455
Điều 49. Năm tài chính.....	455
Điều 50. Chế độ kế toán.....	455
Điều 51. Báo cáo tài chính.....	455
Điều 52. Báo cáo khác.....	455
CHƯƠNG XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	46
Điều 53. Xác định giá trị tài sản ròng.....	466
Điều 54. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.....	466
Điều 55. Quy trình định giá tài sản quỹ.....	47
Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	477
Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ.....	477
CHƯƠNG XII. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG.....	48
Điều 58. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát.....	488
Điều 58. Chi phí hoạt động của Quỹ	498
Điều 60: Phân chia lợi tức của quỹ.....	48
CHƯƠNG XIII. TÁI CƠ CẤU QUỸ, GIẢI THỂ QUỸ.....	50
Điều 61. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập.....	50
Điều 62. Các điều kiện tách quỹ.....	50

Điều 63. Các điều kiện giải thể quỹ.....		
50		
CHƯƠNG XIV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....		
51		
Điều 64. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.....		51
CHƯƠNG XV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....		52
Điều 65. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư.....		52
Điều 66. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....		52
Điều 67. Đăng ký Điều lệ.....		52
Điều 68. Điều khoản thi hành.....		52
Phụ lục	lục	số
1.....		533
Phụ lục	lục	số
2.....		555
Phụ lục	lục	số
3.....		566
Phụ lục số 4.....		57
Phụ lục số 5.....		588

ĐIỀU LỆ QUỸ MỞ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật số 59/2020/Qh14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XIV, kỳ họp thứ 09 về Luật Doanh nghiệp.
2. Luật số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XIV, kỳ họp thứ 8 về Luật chứng khoán
3. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
4. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
5. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

“Quỹ ”	Là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (<i>BVFED</i>), hoạt động theo cơ chế quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về Chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
“Công ty Quản lý Quỹ”	Nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (<i>BVF</i>) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này. Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
“Ngân hàng Giám sát”	Là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Giám sát) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100112437 cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 16/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Quyết định hoạt động lưu ký chứng khoán số 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/05/2003 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 40 Điều lệ này (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng giám sát.
“Công ty kiểm toán.”	Là công ty kiểm toán cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định, là công ty kiểm toán độc lập, được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư Cổ phiếu năng động Bảo Việt.
“Đại lý phân phối”	Có nghĩa là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của pháp luật. Hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Đại lý phân phối được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan
“Điều lệ Quỹ”	Bao gồm văn bản này và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).

“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt.
“Hợp đồng giám sát”	Là Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.
“Đại hội Nhà đầu tư”	Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban Đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
“Vốn Điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
“Chứng chỉ Quỹ đầu tư ”	Là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành (<i>sau đây gọi là Chứng chỉ</i>), dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư đó đang sở hữu.
“Hạng mục đầu tư lớn của Quỹ”	Là hạng mục đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% (<i>năm phần trăm</i>) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quỹ trừ trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.

“Giá mua lại”	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ quỹ.
“Giá phát hành/giá mua lại”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành/ giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua/giá trị mua lại theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ này.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày trước ngày định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.
“Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ hoặc lô Chứng chỉ quỹ từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ (<i>Ngày T</i>).
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ.
“Chỉ số VN30”	Là chỉ số được xây dựng trên cơ sở 30 cổ phiếu niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 04/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05/01/2012 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số VN30.
“Rổ cổ phiếu VN30”	Là danh mục cổ phiếu đầu tư vào các cổ phiếu cấu tạo nên chỉ số VN30 với mục đích mô phỏng vận động của chỉ số VN30.
“Luật Chứng khoán”	<i>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019</i>

của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021.

“UBCKNN”

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

“Các định nghĩa khác”

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này, áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như Bản cáo bạch, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn (trừ khi được quy định khác) là các Phụ lục, Điều đoạn của Điều lệ này.

Khi sử dụng các cụm từ “của Điều lệ này” “theo Điều lệ này” “trong Điều lệ này” và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập đến toàn bộ Điều lệ và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thỏa thuận nào có nghĩa là văn kiện hoặc thỏa thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào.

Dẫn chiếu đến bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến văn bản pháp luật như được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

- Tên Quỹ đầu tư : **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt.**
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Tên giao dịch:
 - o Bằng tiếng Việt **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt**
 - o Bằng tiếng Anh **Bao Viet Equity Dynamic Open-Ended Fund**
 - o Tên viết tắt **BVFED**
- Địa chỉ liên hệ: **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt,**
Tầng 6, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Không giới hạn. Thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định trong Điều lệ Quỹ này.
2. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
3. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời thực thi các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ này và quy định của pháp luật.
4. Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động của Quỹ phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản khác có liên quan.
5. Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ, do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

1. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là 71.247.586.800 (*Bảy mươi một tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm*) đồng. Số vốn này được chia thành nhiều đơn vị quỹ với mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là 10.000 (*Mười nghìn*) đồng.
2. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào Tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.
3. Số lượng đơn vị quỹ được phép lưu hành tối đa: Không giới hạn.
4. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng chứng chỉ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

- Tên công ty:
 - o Tên bằng tiếng Việt Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt
 - o Tên bằng tiếng Anh Bao Viet Fund Management Co Ltd.
 - o Tên viết tắt: BVF
- Giấy phép thành lập và hoạt động Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này
- Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
- Điện thoại (84-24) 3 928 9589
- Fax (84-24) 3 928 9590
- Địa chỉ VPĐD Lầu 4, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM
- Vốn Điều lệ: 100 tỷ đồng

Điều 7. Ngân hàng Giám sát

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Giấy phép hoạt động: số 0100112437 cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 16/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Quyết định hoạt động lưu ký: 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/05/2003
- Trụ sở đăng ký: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 9343137
- Fax: (84-24) 8241395/9360049/8251322

Điều 8. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyên nhượng, Quản trị quỹ đầu tư

Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ Đại lý chuyên nhượng, Quản trị quỹ đầu tư cho Quỹ và được Công ty Quản lý Quỹ quy định cụ thể trong bản cáo bạch.

CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 9. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho Nhà đầu tư trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng vốn đầu tư và các dòng thu nhập từ tài sản đầu tư.

Điều 10. Chiến lược đầu tư

- Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động theo đó tỷ trọng của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được điều chỉnh linh hoạt để nắm bắt kịp thời các cơ hội đầu tư trên thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cố định căn cứ vào sự vận động tương đối giữa hai thị trường, đặc biệt trong khoảng thời gian trung – dài hạn. Với chiến lược đầu tư như trên, Quỹ sẽ tập trung vào loại các tài sản có tính thanh khoản cao để đảm bảo việc điều chỉnh cơ cấu của danh mục đầu tư được thực hiện một cách chính xác và kịp thời.
- Chiến lược đầu tư của quỹ được thực hiện theo các bước như sau:
 - Đánh giá về sự vận động tương đối giữa thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cố định dựa trên các tiêu chí định tính và định lượng như: Chu kỳ phát triển của nền kinh tế, chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, các chỉ số kinh tế vĩ mô, tình hình sản xuất kinh doanh của các ngành nghề chủ đạo trong nền kinh tế, cấu trúc kỳ hạn của lãi suất, mức độ phát triển “nóng” hoặc “lạnh” của từng thị trường thông qua các chỉ số định giá, phân tích kỹ thuật...
 - Xác định tỷ trọng tối ưu của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ căn cứ vào kết quả nhận định thị trường và mục tiêu đầu tư của Quỹ.
- Cơ cấu tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ như sau:

Tài sản	Tỷ trọng (*)
1. Cổ phiếu (bao gồm quyền phát sinh có liên quan)	
<ul style="list-style-type: none"><i>Phần cơ sở:</i> (i) Rổ cổ phiếu VN30 (trừ cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty quản lý Quỹ theo quy định tại Hạn chế đầu tư); (ii) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro<i>Phần gia tăng:</i> (i) Các cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, được lựa chọn trên cơ sở phân tích, đánh giá những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp, thuộc các nhóm như cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng bền vững, cổ phiếu có khả năng tăng trưởng vượt trội theo từng chu kỳ phát triển của nền kinh tế, cổ phiếu có thị giá hấp dẫn so với giá trị định giá của Công ty Quản lý quỹ, có khả năng chi trả cổ tức tốt... (ii) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng. (iii) chứng chỉ quỹ đại chúng. Các cổ	Tối đa 100%

<p>phiếu thuộc Phần gia tăng phải đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty Quản lý quỹ về tính thanh khoản.</p> <p>Căn cứ điều kiện thị trường, Công ty Quản lý quỹ sẽ xác định tỷ trọng giữa Phần cơ sở và Phần gia tăng trong danh mục đầu tư theo hướng đảm bảo hiệu quả đầu tư và giới hạn rủi ro ở mức cho phép. Cơ cấu của Phần gia tăng không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ.</p>	
<p>2. Lãi suất cố định (bao gồm quyền phát sinh có liên quan)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương. - Trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; - Trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành 	<p>Tối đa 80%</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan. 	<p>Tối đa 49% (trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát)</p>

(*) Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Lưu ý: Cơ cấu thực tế của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được xác định dựa vào chiến lược đầu tư và các hạn chế đầu tư của Quỹ.

Điều 11. Hạn chế đầu tư

1. Việc đầu tư vào các cổ phiếu Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Có quy định tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch;
 - b) Đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - c) Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của

tổ chức phát hành.

2. Ngoài quy định về cơ cấu tài sản của Quỹ theo Chiến lược đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất 06 (sáu) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:
 - a) Không được đầu tư quá 30% (*ba mươi phần trăm*) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản bao gồm (i) Tiền gửi, (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, (iv) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành, (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định của pháp luật liên quan
 - b) Không được đầu tư quá 20% (*hai mươi phần trăm*) tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.;
 - c) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% (*mười phần trăm*) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ.;
 - d) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản bao gồm: Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành.;
 - e) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% (*bốn mươi phần trăm*) tổng giá trị tài sản của Quỹ.;
 - f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.;
 - g) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó.
 - h) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác do công ty quản lý khác quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
 - Không đầu tư quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.;

- i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
 - j) Không được đầu tư vào cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, danh mục đầu tư cổ phiếu của Quỹ là Rổ cổ phiếu VN30 nhưng loại trừ cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty quản lý Quỹ.
3. Trừ trường hợp quy định tại Điểm f, g, h, i, j Khoản 2, Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư tại Khoản 2 Điều này do các nguyên nhân sau:
- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
 - c) Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư.
 - d) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - e) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá 06 (sáu) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn chế đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều này trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh.
5. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
7. Các hạn chế đầu tư được quy định nêu trên sẽ được tự động điều chỉnh, bổ sung theo quy định pháp luật mà không cần phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký Quỹ

- 1. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Điều 10 Điều lệ này.
- 2. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá 5% (năm phần trăm) giá trị tài sản

ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 (*ba mươi*) ngày.

3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (*vay mua chứng khoán*) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại (*repo*) Trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch Trái phiếu Chính phủ.

Điều 13: Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là Tiền gửi, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng:

Công ty Quản lý Quỹ sẽ trình danh sách và hạn mức đầu tư (*nếu có*) tại các ngân hàng thương mại và tổ chức có uy tín để Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt nguyên tắc thực hiện hoạt động đầu tư đối với Tiền gửi, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng cho Quỹ.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp:

Căn cứ nhận định về xu hướng vận động của cấu trúc kỳ hạn của lãi suất, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các trái phiếu để đầu tư với các tiêu chí ưu tiên như kỳ hạn còn lại của trái phiếu, tính thanh khoản, rủi ro tín dụng...

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là cổ phiếu:

a) Đối với Phần cơ sở: Quỹ sẽ đầu tư vào Rổ cổ phiếu VN30 theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ Quỹ này. Khi Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông báo điều chỉnh cơ cấu của các cổ phiếu trong chỉ số VN30, Công ty Quản lý Quỹ sẽ tiến hành điều chỉnh danh mục cổ phiếu của Quỹ để đảm bảo phù hợp với thông báo của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày điều chỉnh chính thức có hiệu lực.

b) Đối với Phần gia tăng: Các cổ phiếu được lựa chọn trên cơ sở đánh giá những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp như tiềm năng phát triển của ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động; vị trí, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động; tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận; cơ cấu tài sản, nguồn vốn; chính sách chi trả cổ tức... Ngoài các yếu tố kể trên, các cổ phiếu còn phải đáp ứng được tiêu chí thanh khoản của Công ty Quản lý quỹ.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán:

Căn cứ vào đánh giá về điều kiện thị trường và nhận định về xu hướng vận động của tài sản cơ sở, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các chứng khoán phái sinh để đầu tư nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho danh mục.

5. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là chứng chỉ quỹ đại chúng Căn cứ nhận định về xu hướng vận động của chứng chỉ quỹ đại chúng, Công ty Quản lý quỹ sẽ lựa chọn chứng chỉ quỹ đại chúng với các tiêu chí ưu tiên như tính thanh khoản, mức sinh lời, rủi ro biến động giá trị tài sản...

Điều 14. Hình thức giao dịch tài sản

1. Các giao dịch mua, bán chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho quỹ phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tập trung của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận (*trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán*), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
 - a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ về mức giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;
 - b) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá, hoặc mức giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích rõ lý do để ban đại diện quỹ xem xét, quyết định

CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 15. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là 01 chứng chỉ quỹ trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư pháp nhân ký.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán.
 - b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - c) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
 - d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
 - e) Quyền và nghĩa vụ tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
 - g) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.
2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
 - a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - b. Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
- c. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ quỹ có quy định thời hạn khác;
 - e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
 4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 17. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (*sổ chính*) và đại lý ký danh lập, quản lý sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư.
2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ; mã chứng khoán niêm yết của quỹ.
 - b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ.
 - c) Danh sách nhà đầu tư: họ tên, số giấy chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công

dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức), số tài khoản hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh, mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài).

d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư

3. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh (*trừ Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh nước ngoài*). Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

Lưu ý: Ở thời điểm hiện tại, Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua hình thức Đại lý phân phối ký danh. Căn cứ nhu cầu của Nhà đầu tư và khả năng của các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Công ty Quản lý Quỹ sẽ triển khai việc phân phối Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý phân phối ký danh và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi triển khai theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ.
2. Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ không ít hơn 02 (*hai*) lần trong một tháng. Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ sẽ được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch.

Việc điều chỉnh Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ (*thay đổi Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ hoặc tăng tần suất giao dịch*) sẽ do Công ty quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

3. Thời điểm đóng sổ lệnh (*thời điểm nhận lệnh cuối cùng*) là 14h45 (*mười bốn giờ bốn mươi lăm phút*) tại ngày T – 1. Trường hợp ngày T – 1 là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang 14h45 (*mười bốn giờ bốn mươi lăm phút*) của ngày làm việc gần nhất trước đó.
4. Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ (*mua/bán/hủy lệnh*) trên tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Việc ủy quyền của Nhà đầu tư phải được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
5. Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý phân phối theo danh sách tại Bản cáo bạch.

Lưu ý: Ở thời điểm hiện tại, Chứng chỉ Quỹ chưa được phân phối thông qua hình thức Đại lý phân phối ký danh. Căn cứ nhu cầu của Nhà đầu tư và khả năng của các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Công ty Quản lý Quỹ sẽ triển khai việc phân phối Chứng chỉ Quỹ thông qua Đại lý phân phối ký danh và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi triển khai theo quy định của pháp luật.

6. Lệnh đặt mua Chứng chỉ Quỹ:

a) Đối với Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối phải tổng hợp

thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và gửi yêu cầu cho Đại lý chuyển nhượng mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên cơ sở Giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch này. Nhà đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau:

- i. Tài khoản của chính mình, đứng tên chủ sở hữu là Nhà đầu tư (gọi tắt là tài khoản của Nhà đầu tư);
 - ii. Tiểu khoản giao dịch trên tài khoản đứng tên của đại lý ký danh (gọi tắt là tiểu khoản của Nhà đầu tư).
- b) Trường hợp giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
- i. Chuyển khoản từ tài khoản đứng tên Nhà đầu tư;
 - ii. Trực tiếp chuyển tiền thông qua ngân hàng trung gian.
 - iii. Chuyển khoản từ tài khoản của người hoặc tổ chức được chỉ định và đã đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ.

Trường hợp giao dịch trên tiểu khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư chuyển tiền theo hướng dẫn của Đại lý ký danh.

Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng cần mở tài khoản "Góp vốn, mua cổ phần" (CCA) phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối trong việc chuyển tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ. Khi tiến hành thủ tục mở tài khoản tại Đại lý phân phối, Nhà đầu tư nước ngoài đăng ký tài khoản CCA là tài khoản nhận các khoản thanh toán từ hoạt động giao dịch Chứng chỉ quỹ và cung cấp tài liệu xác nhận tài khoản CCA đã được mở tại ngân hàng thương mại cho Đại lý phân phối.

Lưu ý: Phí chuyển tiền và thuế phát sinh (nếu có) do Nhà đầu tư tự thanh toán.

- c) Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ (Phiếu lệnh) theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi Phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán đồng thời phải ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác, Đại lý phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và lưu giữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
- d) Lệnh mua được gửi kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc được Ngân hàng Giám sát xác nhận đã nhận được đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Đối với Đại lý ký danh, việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ được thực hiện trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý ký danh.
- e) Chỉ các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh mới được thực hiện. Các lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.

- f) Giá trị của một lệnh mua (*trừ Chương trình đầu tư định kỳ*) không nhỏ hơn 1.000.000 (một triệu) đồng (*không nhỏ hơn 2.000.000 đồng đối với đợt phát hành lần đầu*).
- g) Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư được xác định theo công thức:

$$S = \frac{M * (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành})}{V}$$

Trong đó:

S: Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư;

M: Giá trị đặt mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ;

V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch.

- h) Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- i) Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

7. Lệnh đặt bán Chứng chỉ Quỹ:

- a) Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ (*Phiếu lệnh*) theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch. Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi Phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán đồng thời phải ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác, Đại lý phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và lưu giữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
- b) Chỉ các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh mới được thực hiện. Các lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.
- c) Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan bảo đảm Nhà đầu tư có đủ số lượng Chứng chỉ Quỹ để bán theo yêu cầu.
- Lưu ý: Trường hợp khi lệnh bán được thực hiện một phần và số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn 05 (năm) Chứng chỉ Quỹ thì toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch kế tiếp.*
- d) Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Quỹ này.
- e) Số lượng Chứng chỉ Quỹ đối với 01 (một) lệnh bán không nhỏ hơn 05 (năm) Chứng chỉ Quỹ và có thể có số lẻ ở dạng thập phân tới số hạng thứ 02 (hai) sau dấu phẩy.
- f) Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư khi bán Chứng chỉ Quỹ được xác định theo công thức:

$$T = R \times V \times (1 - \text{Giá dịch vụ mua lại}) - \text{Thuế, phí, giá dịch vụ phát sinh (nếu có)}$$

Trong đó:

T: Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư;

R: Số lượng Chứng chỉ Quỹ đã bán thành công;

V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày giao dịch.

- g) Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- h) Việc thanh toán được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc các hình thức khác theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư.

Lưu ý: Các chi phí và thuế phát sinh (nếu có) trong quá trình chuyển tiền cho Nhà đầu tư từ tài khoản của Quỹ sẽ được khấu trừ vào Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư.

- i) Thời hạn thanh toán là 05 (năm) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 19 Điều lệ Quỹ này và sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, việc thanh toán có thể chậm hơn nhưng không quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- j) Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - i. Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất;
 - ii. Được Nhà đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
 - iii. Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán vượt quá 50 (năm mươi) tỷ đồng;
 - iv. Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm sự phù hợp về loại tài sản, cơ cấu và tỷ trọng tài sản có trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - v. Thủ tục và thời gian chuyển giao tài sản cho Nhà đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
- k) Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại điểm (j) nói trên.

8. Hủy lệnh giao dịch:

- a) Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước 14h45 của ngày T – 1.
- b) Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh giao dịch của Nhà đầu tư sẽ được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - i. Lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh;
 - ii. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ chưa có tại tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trong ngày T – 1 (giao dịch qua Đại lý phân phối);
 - iii. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ không theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 18 tại Điều lệ Quỹ này;

- iv. Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được thấp hơn giá trị đã đăng ký tại lệnh mua và Đại lý phân phối không thực hiện các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy định của Đại lý chuyển nhượng.

9. Hoàn trả tiền:

- a) Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được cao hơn giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua, lệnh mua sẽ được thực hiện với giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua và phần tiền còn thừa sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (nếu có).
- b) Trường hợp hủy lệnh giao dịch và/hoặc tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được không xác định được lệnh đăng ký mua đi kèm hoặc không xác nhận được thông tin tên người chuyển tiền và nội dung chuyển tiền, các khoản tiền này sẽ được chuyển trả về ngân hàng đã chuyển tiền để hoàn trả cho đối tượng chuyển tiền sau khi trừ đi các chi phí, giá dịch vụ phát sinh (nếu có).
- c) Thời hạn hoàn trả đối với tất cả các trường hợp nói trên là trong vòng 05 (năm) ngày kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

10. Chương trình đầu tư định kỳ:

- a) Nhà đầu tư có thể thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ theo đó Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ;
- b) Thông tin về Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch;

Điều 19. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- 1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán của Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
 - a) Tổng giá trị các lệnh bán trừ tổng giá trị các lệnh mua tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% (*mười phần trăm*) giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc
 - b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 50 (*năm mươi*) tỷ đồng.
- 2. Trường hợp lệnh bán được thực hiện một phần theo quy định tại Khoản 1 nói trên, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng nguyên tắc mua lại theo cùng một tỷ lệ theo đó tất cả các lệnh bán được ghép cùng nhau để thực hiện, đảm bảo tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy bỏ trừ trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn 05 (*năm*) Chứng chỉ Quỹ sẽ được xử lý theo quy định tại Điểm c, Khoản 7, Điều 18 Điều lệ Quỹ này. Trường hợp vẫn có nhu cầu bán, Nhà đầu tư tiếp tục đặt lệnh tại Ngày giao dịch kế tiếp.

Công thức tính tỷ lệ như sau:

- i. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này, việc phân bổ lệnh bán cho Nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{10\% \times \text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng} (*)}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

- ii. Đối với trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều này, việc phân bổ lệnh bán cho nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng} (*) - 50 \text{ (năm mươi tỷ) đồng}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

(*) *Tổng giá trị lệnh mua ròng = Tổng giá trị đặt mua CCQ hợp lệ – Tổng giá dịch vụ phát hành*

3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này, Công ty Quản lý Quỹ được phép đề xuất Ban Đại diện Quỹ duyệt kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
4. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
5. Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 4 nêu trên và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ, nhưng không được kéo dài quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
7. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 6 nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội Nhà đầu tư.

Điều 20. Giá phát hành, giá mua lại

1. Giá phát hành lần đầu: 10.000 (Mười nghìn) đồng/đơn vị Quỹ.
2. Giá bán một đơn vị Quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với Giá dịch vụ phát hành.

3. Giá mua lại một đơn vị Quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại.
4. Giá dịch vụ phát hành là tối đa 0,5% (không phải năm phần trăm) tính trên số tiền đăng ký mua hợp lệ. Mức giá dịch vụ cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch. Riêng đối với đợt phát hành lần đầu, giá dịch vụ phát hành là 0% (không phải năm phần trăm).
5. Giá dịch vụ mua lại được xác định dựa vào thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ và tối đa là 0,5% (không phải năm phần trăm) giá trị giao dịch thành công. Mức giá dịch vụ cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch.
6. Lưu ý: Trong trường hợp, số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.
7. Giá dịch vụ chuyển đổi:
 - a. Trường hợp Công ty quản lý quỹ có từ hai quỹ mở, lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi (nếu có), không phải thanh toán giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm a và b Khoản này.
 - b. Các thông tin về việc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ sẽ được công bố đầy đủ cho Nhà đầu tư tại Bản Cáo bạch hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và Đại lý phân phối theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Thừa kế chứng chỉ quỹ

1. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại hội nhà đầu tư do Công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
 - b. Thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; Tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; Thay thế Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
 - c. Chia, tách, sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ, giải thể quỹ;
 - d. Phương án phân phối lợi tức;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - f. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
 - g. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
 - h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.
3. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
4. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 23. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều

16 Điều lệ này.

- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
- Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư được thực hiện trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.
 - Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ tiếp tục không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư

- Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định của Pháp luật.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
- Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 24 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành hoặc một tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ quỹ quy định.
- Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành hoặc một tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ quỹ quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
- Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải được quy định rõ tại Điều lệ quỹ, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư.
- Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành hoặc một tỷ lệ khác cao

hơn do Điều lệ quỹ quy định.

8. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.
9. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư.
 - a) Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
 - b) Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa bao gồm: (i) tham dự hội nghị trực tuyến (*bao gồm họp tại một địa điểm hoặc từ hai địa điểm trở lên thông qua sự kết nối của các phương tiện, thiết bị truyền thông điện tử*), (ii) bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật, (iii) gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
 - c) Tất cả các cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và bản gốc lưu trữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
 - d) Trong trường hợp lấy tổ chức dưới hình thức bỏ phiếu từ xa, Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền của Ban Đại diện Quỹ phải thực hiện các công việc sau:
 - i. Phát hành Phiếu hỏi ý kiến gồm các nội dung chính như lý do, lựa chọn biểu quyết, thời hạn cuối cùng gửi lại.
 - ii. Gửi Phiếu hỏi ý kiến cùng các tài liệu liên quan tới tất cả các Nhà đầu tư hợp lệ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu trước 07 (*bảy ngày*) trước thời hạn cuối cùng gửi ý kiến.
 - iii. Lập Ban kiểm phiếu trong đó có đại diện của Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản, nghị quyết được công bố trên trang tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 07 (*bảy*) ngày kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến.
 - iv. Trong trường hợp thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành của Pháp luật.

Điều 25. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 23 có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn 15

(mười lăm) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán Giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 26. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ có từ 03 (*ba*) đến 11 (*mười một*) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định như sau:
 - a. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
 - b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
2. Tối thiểu hai phần ba số thành viên Ban Đại diện Quỹ là thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:
 - a. Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
 - b. Đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ quỹ.
3. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
 - a) Tối thiểu 01 (*một*) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu 01 (*một*) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu 01 (*một*) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
4. Trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 điều này, hoặc thành viên bị buộc phải từ nhiệm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại Khoản 2 điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Điều 27. Nhiệm kỳ, Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a) Ưu tiên những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn được đề cử tại Đại hội Nhà đầu tư.
 - b) Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
 - c) Chủ tịch và Phó chủ tịch phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư.
 - d) Không thuộc đối tượng bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan có thẩm quyền.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
 - b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách, hạn mức (nếu có) cho các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư, bao gồm: (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng.(ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan (iii) Các cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ quy định tại Khoản 2, Điều 13 Điều lệ này. Các quyết định được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để đảm bảo an toàn tài sản của Quỹ.
3. Lựa chọn công ty kiểm toán trên cơ sở ủy quyền từ Đại hội Nhà đầu tư gần nhất và danh sách đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán hợp lệ từ Công ty Quản lý Quỹ.
4. Quyết định tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư của Quỹ (nếu có); mức lợi tức phân phối; thời điểm, cách thức, hình thức và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
5. Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ được quyết

định các vấn đề quy định tại Điểm b,c,d,e,f,g,h Khoản 2 tại Điều 23 Điều lệ quỹ này.

6. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
7. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.
8. Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại Khoản 5 Điều này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Công ty Quản lý Quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà đầu tư tại trang tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
9. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ quỹ.
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.
3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 30. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ

được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.

2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành viên Ban Đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

1. Bị khởi tố hoặc truy tố.
2. Bị tòa tuyên bố là mất tích, chết hoặc mất năng lực hành vi.
3. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan có thẩm quyền.
4. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.
5. Bị cách chức thành viên Ban Đại diện Quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
6. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
7. Thực hiện những hành vi làm tổn hại đến quyền và lợi ích của Nhà đầu tư và Quỹ.
8. Việc chỉ định thành viên thay thế được thông qua Đại hội Nhà đầu tư thường niên kế tiếp, trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư được triệu tập bất thường do việc bãi miễn tư cách thành viên Ban Đại diện Quỹ nêu tại Điều này dẫn đến số lượng thành viên của Ban Đại diện Quỹ ít hơn so với số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 33. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan phải được thông báo cho các thành viên Ban đại diện quỹ trước 05 (năm) ngày.
3. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ 2/3 (*hai phần ba*) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên.
4. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và bằng hình thức khác theo quy định tại Điều lệ quỹ. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
5. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ 60% (*sáu mươi phần trăm*) trở lên số thành viên dự họp và từ 50% (*năm mươi phần trăm*) trở lên số thành viên độc

lập thông qua.

6. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.
7. Nghị quyết, Biên bản của cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên liên quan (*chỉ với các nội dung được đề cập tại Khoản 5, Điều 30*).
8. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ, nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Nghĩa vụ Công ty Quản lý Quỹ
 - a) Tuân thủ Điều lệ quỹ và bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;
 - b) Công bằng, trung thực và vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;
 - c) Bảo vệ an toàn và quản lý tách biệt tài sản của từng Quỹ, của Công ty Quản lý Quỹ;
 - d) Đối với những giao dịch của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ; thông báo đầy đủ thông tin liên quan đến giao dịch đó cho Ban Đại diện Quỹ, Ủy ban chứng khoán nhà nước và thông báo công khai cho Nhà đầu tư;
 - e) Bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty Quản lý Quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ;
 - f) Đền bù các tổn thất của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều này;
 - g) Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, những người quản lý và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
 - h) Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Giám đốc đầu tư, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho một người thứ ba, ngoài khoản giá dịch vụ quy định trong Điều lệ Quỹ;
 - i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - j) Trong trường hợp Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản Quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí, giá dịch vụ phát sinh liên quan đến các giao dịch này do Công ty Quản lý Quỹ chịu;
 - k) Thay mặt Quỹ đầu tư thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.

- l) Cung cấp cho các Nhà đầu tư các báo cáo có liên quan hàng tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật.
 - m) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.
2. Quyền của Công ty Quản lý Quỹ
- a) Được tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ (*nhưng không được quyền biểu quyết*).
 - b) Được hưởng các khoản giá dịch vụ và thưởng quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật hoặc theo các quy định khác của Đại hội Nhà đầu tư.
 - c) Được hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán; Công ty Quản lý Quỹ chỉ được tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào hoặc tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; không được tham gia các hoạt động tư vấn niêm yết hoặc tư vấn phát hành chứng khoán.
 - d) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
 - e) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ

- 1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Theo đề nghị Ban Đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - c) Hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;
 - d) Quỹ hết thời gian hoạt động.
- 2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.

Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

- 1. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng Giám sát.
- 2. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác.
- 3. Công ty Quản lý Quỹ không được đầu tư, góp vốn hoặc mua cổ phần của một công ty quản lý quỹ khác; không được đầu tư, góp vốn hoặc mua cổ phần của một công ty chứng khoán.
- 4. Công ty Quản lý Quỹ không được phép dùng vốn của một quỹ để mua tài sản của một quỹ khác mà mình quản lý nhằm làm tăng hay giảm giá trị của Quỹ.
- 5. Công ty Quản lý Quỹ không được đầu tư vốn của Quỹ vào bất kỳ tài sản hoặc loại chứng khoán nào mà trong đó Công ty Quản lý Quỹ, nhân viên và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ có quyền lợi, trừ trường hợp có sự cho phép trước của Ban Đại diện Quỹ.

6. Công ty Quản lý Quỹ không được nhận cho chính mình bất kỳ thu nhập hay lợi ích nào thu được từ việc sử dụng các dịch vụ giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp và phải hạch toán các khoản này vào thu nhập của Quỹ.
7. Công ty Quản lý Quỹ không được thực hiện các giao dịch làm tăng chi phí và rủi ro không hợp lý cho Quỹ.
8. Các hạn chế khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.

Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quỹ định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ theo tần suất phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng

những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;

- l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, sổ Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
 - m) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.
2. Quyền của Ngân hàng Giám sát
- a) Được rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.
 - b) Được kiểm tra hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan.
 - c) Được rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ.
 - d) Được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện công việc được quy định trong Hợp đồng đã ký và tự chịu toàn bộ chi phí.
 - e) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát

- 1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải:
 - a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định giá tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
 - c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;

- e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ;
- f) Công Ty Quản lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng hoặc tổ chức nào khác nếu cho là thích hợp, và ngân hàng giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công Ty Quản lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công Ty Quản lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó.

Đối với các chứng khoán mà Quỹ mua hoặc thuộc về Quỹ nhưng chưa được lưu ký tại Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng Giám sát có quyền, hàng tháng xác minh việc đăng ký các chứng khoán này dưới tên của Quỹ. Nếu có Tiền mặt thuộc về Quỹ và Khách Hàng đã lưu ký tại các ngân hàng và các tổ chức khác, hàng tháng Ngân hàng Giám sát có quyền xác minh khoản Tiền mặt đó được gửi tại tài khoản của Quỹ với ngân hàng và các tổ chức đó. Để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện quyền của mình, Khách Hàng đồng ý, trên cơ sở hàng tháng, yêu cầu tổ chức phát hành, các ngân hàng và tổ chức khác gửi xác nhận trực tiếp tới Ngân hàng, liên quan tới đăng ký của các chứng khoán này dưới tên Quỹ hoặc liên quan tới việc gửi Tiền mặt trong tài khoản của Quỹ, Ngân hàng Giám sát có quyền tin tưởng vào xác nhận của các tổ chức phát hành, ngân hàng và các tổ chức khác và không phải chịu trách nhiệm về bất cứ hành động lừa dối hoặc các thiếu sót hoặc vi phạm của các tổ chức phát hành, ngân hàng và các tổ chức khác đó.

- g) Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm tiến hành việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ mà chỉ có trách nhiệm kiểm tra việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành. Hơn nữa, nếu những trường hợp nêu dưới đây đối với việc định giá hoặc báo giá được ủy quyền hợp lệ theo các văn bản cấu thành theo luật của Quỹ (bao gồm Bản Cáo Bạch Quỹ, Điều Lệ Quỹ và bất kỳ sửa đổi nào, nghị quyết được thông qua hợp lệ của Ban Đại Diện hoặc Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ), ngay cả khi có những chấp thuận hợp lệ này, Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm khi kiểm tra việc định giá của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ tiến hành trong những trường hợp này.
 - i. Ngân hàng Giám sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập, hoặc xác nhận giá trị của, bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ sử dụng ít nhất hai nguồn cung cấp giá độc lập; hoặc
 - ii. Ngân hàng Giám sát được chỉ thị bởi Quỹ (*hoặc Ban Đại diện hoặc Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ*) hoặc Công Ty Quản lý Quỹ sử dụng dịch vụ cung cấp giá tự động, nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc các bên thứ ba khác riêng biệt để xác định giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ; hoặc
 - iii. Ngân hàng Giám sát chỉ hoàn toàn dựa trên bất kỳ định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá của các tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của các Quỹ mà được cung cấp tới Ngân hàng Giám sát bởi: (i) Ban Đại diện của Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ;

và/hoặc (ii) bất kỳ tổ chức định giá, đại lý định giá thứ ba, tổ chức trung gian hoặc các bên thứ ba khác mà theo từng trường hợp do Ban Đại diện của Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ chỉ định hoặc ủy quyền để cung cấp định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá các tài sản và nghĩa vụ nợ của Quỹ tới Ngân hàng Giám sát.

((i), (ii) và (iii) gọi chung là “Những định giá bị Ảnh hưởng”

- h) Ngân hàng Giám sát sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi bất kỳ người nào do hậu quả của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn nào trong Những Định giá bị ảnh hưởng hoặc bất kỳ sai sót hệ quả nào trong Giá trị Tài sản ròng của Quỹ.
 - i) Quỹ và Công Ty Quản lý Quỹ đồng ý sẽ bồi hoàn cho Ngân hàng Giám sát đối với mọi khoản nợ, khiếu nại, chi phí, tổn thất hoặc các thiệt hại khác (*ngoại trừ xuất phát từ sự gian lận, sơ suất hay bỏ qua có chủ định đối với trách nhiệm của Ngân hàng Giám sát*) mà Ngân hàng Giám sát có thể gánh chịu tại bất kỳ thời điểm nào do kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn trong Những Định giá bị ảnh hưởng.
2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 (mười) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 3. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.
 4. Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.
 5. Ngân hàng Giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này và tự chịu chi phí phát sinh. Ngân hàng Giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ, Quỹ và Nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan về các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.
 6. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân hàng Giám sát được tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ được Đại hội đồng thành viên chấp thuận;
 - b) Ngân hàng Giám sát chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
 - c) Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ban Đại diện Quỹ được Đại hội đồng thành viên chấp thuận.
2. Trong trường hợp quy định tại điểm 1 nói trên, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan như Ngân hàng lưu ký, Trung tâm lưu ký chứng khoán để cung cấp các dịch vụ bên ngoài gồm toàn bộ hoặc một số hoạt động ủy quyền đi kèm như sau:

1. Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng
 - a) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ;
 - b) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính;
 - c) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư;
 - d) Duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
 - e) Cung cấp cho Nhà đầu tư sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
 - f) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và hợp đồng đã ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.
2. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư
 - a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
 - b) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
 - c) Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
 - d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng đã ký với Công ty Quản lý Quỹ.
3. Các dịch vụ khác trên cơ sở hoạt động Quỹ và quy định pháp luật.

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ cho Quỹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Phải là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Có đầy đủ năng lực, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp theo yêu cầu của Công ty quản lý Quỹ cũng như quy định của pháp luật Việt Nam về các dịch vụ cung cấp.

4. Phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ nhận ủy quyền. Trong trường hợp một tổ chức nhận nhiều dịch vụ ủy quyền, các bộ phận chuyên trách phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Bên nhận ủy quyền phải có đủ cơ sở vật chất, quy trình nghiệp vụ, nhân sự với kinh nghiệm và yêu cầu chuyên môn để thực hiện dịch vụ được ủy quyền.
2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền được quy định cụ thể trong hợp đồng dịch vụ được ký kết với Công ty Quản lý Quỹ.
3. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ;
4. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn...;
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;
4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
5. Xây dựng các quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
6. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư;

7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.
9. Tối thiểu 01 (một) năm một lần, Công ty Quản lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
 - a) Giá dịch vụ phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;
 - b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
 - c) Tổng giá dịch vụ các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản lý Quỹ);
 - d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

Việc chấm dứt hoạt động ủy quyền với Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan dựa trên thay đổi trong quy định pháp luật, Hợp đồng đã ký kết và tự nguyện chấm dứt giữa các bên.

CHƯƠNG IX. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn, đánh giá Đại lý phân phối, Đại lý ký danh

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của pháp luật.
3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ.
4. Các yêu cầu khác theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG X. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

1. Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để trình Đại hội đồng Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) quyết định công ty kiểm toán được lựa chọn tiến hành kiểm toán cho Quỹ.
2. Các công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - a) Được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, được phép cung cấp dịch vụ kiểm toán.
 - b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
 - c) Được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư.
3. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ phù hợp với giấy phép của UBCKNN.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 51. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn.
3. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại diện Quỹ và cập nhật trên trang chủ của Công ty Quản lý Quỹ.
4. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán về báo cáo tài chính.

Điều 52. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của Ủy ban chứng khoán về công bố thông tin và báo cáo các hoạt động kinh doanh.

CHƯƠNG XI. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 53. Xác định giá trị tài sản ròng

1. Ngày định giá là ngày thứ Năm hàng tuần.
2. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan điều chỉnh kịp thời trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ.
4. Trong thời hạn tối đa 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày định giá, sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố cho Nhà đầu tư trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
5. Các quy định khác theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Giá trị tài sản ròng (NAV) là Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ trừ đi Tổng các nghĩa vụ nợ có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát, lãi vay ngân hàng nếu có...) tại ngày liền trước Ngày định giá.
2. Tổng giá trị các tài sản đầu tư của Quỹ:
Tham khảo Phụ lục 4. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ.
3. Giá trị đơn vị Quỹ (NAV/CCQ):

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:

- V: giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá.
 - N: Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày định giá.
4. Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại ngày định giá khi dùng để phân bổ Chứng chỉ Quỹ cho các lệnh giao dịch được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Điều 55. Quy trình định giá tài sản quỹ

Chi tiết tại Phụ lục 4 Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại Điều lệ Quỹ này.

Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, phải được Ban Đại diện Quỹ thông qua.
2. Việc lựa chọn và thay đổi tổ chức cung cấp báo giá do Công ty quản lý Quỹ đề xuất để Ban Đại diện Quỹ quyết định.

Điều 57. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ

1. Quỹ và Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được đền bù nếu chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót từ 1% (*một phần trăm*) trở lên. Nhà đầu tư sẽ không được bồi thường nếu giá trị thiệt hại ít hơn 100.000 (*một trăm nghìn*) đồng và khoản tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ.
2. Công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Giám sát, các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ xác định nguyên nhân sai sót và là đại diện đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà đầu tư đã bán;
 - b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;
4. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
 - b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

CHƯƠNG XII: GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 58. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát

1. Giá dịch vụ quản lý Quỹ.

- Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ.
- Giá dịch vụ Quản lý Quỹ là 1,0%/năm (Một phần trăm một năm) tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ và được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng. Tổng số giá dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) tại các chu kỳ định giá thực hiện trong tháng theo công thức tính giá dịch vụ cho các kỳ báo cáo sau:

$$\text{Giá dịch vụ phải trả} = \frac{\text{Tỷ lệ Giá dịch vụ Quản lý Quỹ (\%)} \times \text{NAV tại cuối Chu kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong Chu kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365/366)}}$$

Ngân hàng Giám sát sẽ tự động trích tiền từ tài khoản của Quỹ để trả cho Công ty Quản lý Quỹ theo chỉ thị thanh toán thường xuyên.

- Căn cứ chiến lược hoạt động của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư có thể xem xét, điều chỉnh Giá dịch vụ Quản lý Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật.
2. Giá dự chiến lược hoạt động của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư có

Điều 59. Chi phí hoạt động của quỹ

- Giá dịch vụ quản lý Quỹ.
- Giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ, giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát.
- Giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các giá dịch vụ, chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
- Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Phân chia lợi tức của quỹ

1. Lợi tức phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư (*hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư*) quyết định việc phân chia lợi nhuận của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.
 2. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi tức khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
 3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi tức cho Nhà đầu tư.
 4. Sau khi phân chia lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi tức quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - a) Phương pháp phân chia lợi tức (*bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c) Giá trị lợi tức được phân chia, số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (*trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - d) Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ.
-

CHƯƠNG XIII. TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 61. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 62. Các điều kiện tách quỹ

1. Việc tách Quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày định giá Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Các sự kiện khác do Điều lệ Quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết.
2. Việc tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 63. Các điều kiện giải thể quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - b) Ngân hàng Giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c) Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ và trong Giấy Chứng nhận đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn (nếu quy định thời hạn hoạt động);
 - d) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - e) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ liên tục trong 06 (sáu) tháng;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc thanh lý giải thể quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 64. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:
 - a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - b) Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG XV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 65. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

Quy định về công bố thông tin của Quỹ phải tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật hiện hành.

1. Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin định kỳ về Quỹ trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thay đổi Giá trị Tài sản ròng của Quỹ tại các ngày giao dịch.
 - b) Tình hình và kết quả hoạt động của Quỹ hàng tháng, hàng quý và hàng năm.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin về Quỹ theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi xảy ra các trường hợp bất thường được quy định theo pháp luật.

Điều 66. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Điều lệ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự phê duyệt của Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 67. Đăng ký Điều lệ

Điều lệ Quỹ hoặc các sửa đổi bổ sung Điều lệ Quỹ phải được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận, phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ.

Điều 68. Điều khoản thi hành

1. Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định pháp luật.
2. Đính kèm Điều lệ Quỹ các Phụ lục là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ như sau:
 - Phụ lục số 1: Cam kết của Công ty Quản lý Quỹ
 - Phụ lục số 2: Cam kết của Ngân hàng giám sát
 - Phụ lục số 3: Cam kết chung của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát
 - Phụ lục số 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ
 - Phụ lục số 5: Biểu giá dịch vụ lưu ký giám sát và giá dịch vụ trả cho dịch vụ ủy quyền

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình An

Phụ lục số 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này

Công ty Quản lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng Giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác .
6. Công bố và cập nhật các thông tin về Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) và những thông tin khác theo yêu cầu của pháp luật tại trang chủ của Công ty Quản lý Quỹ.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và

không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.

12. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quý có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
13. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quý giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát không thống nhất.
14. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội người đầu tư Quý theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình An

Phụ lục số 2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

- Giấy phép hoạt động số: 0100112437 cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 16/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
- Số Quyết định đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/05/2003.

Ngân hàng Giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Phụ lục số 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt (BVF)

- Giấy phép thành lập: Số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)

- Giấy phép hoạt động số: 0100112437 cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 16/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
- Số Quyết định đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 14/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/05/2003.

BVF và Vietcombank cùng cam kết:

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt Tổng Giám đốc Nguyễn Đình An	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
---	---

Phụ lục số 4

**PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG VÀ
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT ĐƠN VỊ QUỸ**

Áp dụng chính sách định giá chung do công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt ban hành.

Phụ lục số 5

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ GIÁ DỊCH VỤ TRẢ CHO DỊCH VỤ ỦY QUYỀN

1. Giá dịch vụ Lưu ký và Giám sát

Stt	Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú
A.I Giá dịch vụ lưu ký, giám sát				
		0,07%/NAV/Năm	Tối thiểu 15.500.000 đồng/tháng	Mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát tối thiểu 15.500.000 đồng/tháng áp dụng với tần suất giao dịch 1 lần 1 tuần. Trong trường hợp tần suất giao dịch tăng lên, mức giá dịch vụ tối thiểu tăng thêm 3.000.000 đồng/ 1 lần giao dịch tăng thêm trong 1 tuần.
A.II Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ				
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Tối đa 8.000.000 đồng/ngày giao dịch	
A.2.2	Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	Miễn phí	Miễn phí	
A.III Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3)				
A.3.1	Giá dịch vụ lưu ký	0,4 đồng/cổ phiếu, chứng chỉ quỹ/tháng; 0,2 đồng/trái phiếu/tháng		Giá dịch vụ lưu ký và chuyển khoản theo Quy định Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính

A.3.2	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,5 đồng/chứng khoán/lần chuyển khoản/mã chứng khoán	Không áp dụng/500,000 đồng/lần/mã chứng khoán	thay đổi biểu giá dịch vụ thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng
A.3.3	Các khoản giá dịch vụ VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		

2. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ với mức giá dịch vụ như sau:

- Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức giá dịch vụ (*)
1	Tiền cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Tiền giao dịch (<i>mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản</i>)	
	- Đối với 400 giao dịch đầu tiên trong tháng: - Đối với giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi :	Miễn phí 0,01% giá trị giao dịch/một giao dịch (<i>Giá trị giao dịch= số lượng CCQ giao dịch x NAV/CCQ mà Công ty quản lý Quỹ công bố tại Ngày giao dịch liền trước</i>)
3	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu nhà đầu tư - Duy trì thông tin tài khoản nhà đầu tư	Miễn phí
4	Tiền kết nối - Khởi tạo kết nối lần đầu - Duy trì kết nối hàng tháng	Miễn phí

5	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch - Thông tin về số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành - Thông tin danh sách nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ	Miễn phí
6	Tiền thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền - Phân phối lợi tức	1.000.000 đồng/lần lập danh sách Miễn phí

() Chưa bao gồm thuế VAT. Trường hợp giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng của VSD có thay đổi theo biểu giá của Bộ Tài chính quy định trong từng thời kỳ hoặc điều chỉnh giảm, mức giá dịch vụ này sẽ thay đổi tương ứng.*

• **Phí/ Giá dịch vụ khác**

- Tiền gửi thư cho Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD theo thực tế phát sinh do VSD gửi cho Công ty Quản lý Quỹ kèm theo tài liệu chứng minh.
- Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, mức tiền Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.